

Các yếu tố ảnh hưởng đến tái nghèo của người dân Trà Vinh

Nguyễn Thị Cẩm Phương
Khoa Kinh tế Luật, Đại học Trà Vinh

Nghiên cứu trên nhằm mục đích xác định các yếu tố ảnh hưởng đến tái nghèo và khuyến nghị các chính sách nhằm giảm tỉ lệ tái nghèo trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Mẫu nghiên cứu được khảo sát 484 hộ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, trong đó 242 hộ tái nghèo và 242 hộ thoát nghèo. Kết quả nghiên cứu cho thấy phần lớn hộ tái nghèo là đồng bào dân tộc Khmer, thời gian tái nghèo của hộ trung bình khoảng 3 năm. Kết quả ước lượng hàm hồi quy Probit cho thấy, có 9 yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tái nghèo của hộ và hệ số của biến kiểm soát chuẩn nghèo đa chiều cũng có ý nghĩa thống kê, có nghĩa là biến chuẩn nghèo đa chiều cũng là nguyên nhân dẫn

1. Mở đầu

Trà Vinh là tỉnh có đông đồng bào dân tộc Khmer sinh sống và là tỉnh có tỷ lệ hộ nghèo khá cao (năm 2016, tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh 11,16%, trong đó tỷ lệ hộ tái nghèo chiếm khoảng 0,9%), xếp hạng thứ ba khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) về tỷ lệ hộ nghèo, sau Sóc Trăng và Bạc Liêu. Nhìn chung, tỷ lệ hộ nghèo và tái nghèo của tỉnh cao hơn mặt bằng chung cả nước và khu vực ĐBSCL (Bộ LĐ-TB&XH).

Trà Vinh cũng là một trong những tỉnh nhận được nhiều chính sách và chương trình hỗ trợ nhằm góp phần giảm nghèo từ Chính phủ và các tổ chức trong và ngoài nước (Dự án IMPP, IPAD, PRPP, chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo, chương trình 135,...). Những hỗ trợ đó đã góp phần đáng kể trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, ổn định an sinh xã hội. Tuy nhiên, kết quả giảm nghèo chưa thực sự bền vững, chênh lệch giàu - nghèo giữa các vùng, nhóm dân cư vẫn còn khá lớn, đời sống người nghèo nhìn chung vẫn còn nhiều khó khăn, nhất là ở khu vực vùng có đông đồng bào dân tộc Khmer, vùng nông thôn; phần lớn những hộ thoát nghèo nằm ở diện cận nghèo có tính dễ bị tổn thương trước các biến động bất lợi như bệnh tật, mất mùa, nhu cầu dịch vụ giảm, thu nhập giảm do biến động giá cả, việc làm không ổn định, thiên tai, tính dễ bị ảnh hưởng của các biến động này gây ra tình trạng tái nghèo rất lớn.

2. Phương pháp và mô hình nghiên cứu

Hiện nay, các công trình nghiên cứu về tái nghèo chưa được đề cập nhiều, tuy nhiên, điển hình có 3 nghiên cứu tại Việt Nam của Nguyễn Minh Hà và cộng sự, Đinh Công Tiến và Lê Sơn Ka và Trương Văn Thảo. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng tuổi chủ hộ, tình trạng việc làm, trình độ học vấn của hộ, quy mô vốn tín dụng, quy mô diện tích, số người phụ thuộc là các yếu tố ảnh hưởng đến tái nghèo.

Trên cơ sở tổng hợp hợp các nghiên cứu trong và ngoài nước, đồng thời căn cứ vào chuẩn nghèo đa chiều, tác giả đưa ra mô hình nghiên cứu gồm 7 nhóm yếu tố độc lập, được đo lường thông qua 14 biến và 1 biến kiểm soát. (1) Đặc tính hộ: đo lường thông qua 4 biến quan sát (quy mô hộ, số người phụ thuộc, diện tích đất sản xuất và trình độ học vấn trung bình của hộ); (2) đặc điểm chủ hộ: thể hiện thông qua 4 biến quan sát (tuổi chủ hộ, nghề của chủ hộ, giới tính chủ hộ và dân tộc); (3) Chính sách hỗ trợ: đo lường thông qua lượng vốn hỗ trợ từ chính sách; (4) ý chí thoát nghèo: sử dụng thang đo Likert 5 điểm với 6 biến quan sát để đánh giá ý chí thoát nghèo của hộ; (5) rủi ro: sử dụng biến giả Dummy, được đo lường bằng 2 biến quan sát (bệnh và mất mùa); (6) tổng thu nhập: được đo lường bằng tổng nguồn thu từ các hoạt động trong năm của hộ; (7) đường giao thông: việc tiếp cận đường giao thông sẽ ảnh hưởng đến khả năng nghèo của hộ, nếu hộ có đường ô tô sẽ nhận giá trị 1, ngược lại là không; (8) MPI (chuẩn nghèo đa chiều): tác giả dựa trên Quyết định Số: 59/2015/QĐ-TTg [15] để đánh giá hộ có thuộc diện tái nghèo theo chuẩn đa chiều như đã đề cập ở trên. Do chuẩn đa chiều là chuẩn mới, áp dụng cho giai đoạn 2016 — 2020 nên không có công trình nghiên cứu nào nói về chuẩn đa chiều. Vì thế, tác giả sẽ thực hiện kiểm định xem liệu chuẩn đa chiều có là nguyên nhân dẫn đến tái nghèo, do đó tác giả đề xuất chuẩn đa chiều sẽ làm biến kiểm soát cho mô hình nghiên cứu (nếu hộ tái nghèo do chuẩn đa chiều thì sẽ nhận giá trị 1, ngược lại là không).

Với nội dung này, tác giả sử dụng các phương pháp phân tích cụ thể:

Nghiên cứu định tính: Nghiên cứu sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu các chuyên gia thông qua bản câu hỏi định tính nhằm giúp tác giả có bức tranh tổng thể về hiện trạng nghèo và tái nghèo của tỉnh Trà Vinh, làm cơ sở xây dựng bản hỏi cho nghiên cứu định lượng tiếp theo, đồng thời hỗ trợ cho việc đề xuất các giải pháp.

Nghiên cứu định lượng: nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích nhân tố khám phá nhằm đánh giá ý chí thoát nghèo của hộ và hàm Probit để xác định các yếu tố tác động đến khả năng tái nghèo của người dân tỉnh Trà Vinh.

Hệ số tin cậy Cronbach's Alpha: được sử dụng để loại biến không phù hợp trong nhóm biến ý chí thoát nghèo, những biến có hệ số tương quan biến tổng nhỏ hơn 0,3 sẽ bị loại. Thông thường, thang đo có Cronbach's Alpha từ 0,7 đến 0,8 là sử dụng được. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng khi thang đo có độ tin cậy từ 0,8 trở lên đến gần 1 là thang đo lường tốt Hoàng Trọng & Chu Nguyễn Mộng Ngọc. Vì vậy, đối với nghiên cứu này nhóm tác giả sử dụng hệ số Cronbach's Alpha là 0,7.

Phân tích nhân tố khám phá (EFA) được sử dụng để đánh giá mức độ hội tụ của các biến, biến có hệ số tải nhỏ hơn 0,5 trong EFA sẽ bị loại Hair, J.F, Anderson, R.E., Tatham, R.L., & Black, W.C.[17]. Thang đo được chấp nhận khi tổng phương sai trích $\geq 50\%$, giá trị sig của kiểm định Bartlett $< 0,05$ và hệ số KMO $\geq 0,5$ Gerbing, D.W., Anderson, J.C., [18].

Mô hình Probit được sử dụng để phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến xác suất tái nghèo của hộ.

Nghiên cứu thực hiện khảo sát 520 hộ, trong đó số phiếu thu về hợp lệ có 484 phiếu. Kết quả thống kê cho thấy, 2016 có tỉ lệ hộ tái nghèo khá cao (khoảng 65%) trong tổng số 242 hộ tái nghèo, những năm còn lại tỉ lệ hộ tái nghèo không đáng kể. Nguyên nhân là do năm 2016 áp dụng chuẩn nghèo đa chiều mới nên có sự thay đổi đáng kể so với những năm trước, các hộ không nghèo về thu nhập nhưng thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản. Trong khi đó, những hộ thoát nghèo chủ yếu rơi vào giai đoạn 2013-2016.

Về giới tính chủ hộ, phần lớn chủ hộ là nam giới, có 64,88% đối với hộ tái nghèo và 73,14% với hộ thoát nghèo. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, hộ là người dân tộc có tỉ lệ tái nghèo cao hơn dân tộc kinh (chiếm 66,12% trong tổng số 242 hộ). Bên cạnh đó, khả năng thoát nghèo của hộ cũng cao hơn (58,26%), nguyên nhân là do tỉ lệ hộ nghèo là người dân tộc Khmer chiếm khoảng 60% tổng số hộ nghèo toàn tỉnh (UBND tỉnh Trà Vinh, 2017).

Diện tích đất sản xuất bình quân của hộ tái nghèo khoảng 949 m², có hộ không có đất sản xuất và chủ yếu làm thuê các công việc mang tính thời vụ. Đối với hộ thoát nghèo diện tích đất trong sản xuất khoảng 2,8 công. Ngoài ra, số năm đi học (trình độ học vấn) của hộ thoát nghèo cũng cao hơn so với hộ tái nghèo, trung bình hộ thoát nghèo học hết lớp 5 (tốt nghiệp tiểu học), còn hộ tái nghèo trung bình 3,6 năm.

Lượng vốn hỗ trợ không có sự khác biệt nhiều giữa 2 nhóm hộ tái nghèo và thoát nghèo. Trung bình lượng vốn hộ thoát nghèo tiếp cận trên 9,5 triệu đồng, hộ tái nghèo khoảng 7 triệu đồng. Nguồn vốn mà hộ tiếp cận

chủ yếu từ chương trình hỗ trợ vốn ưu đãi cho hộ nghèo như: chính sách tín dụng ưu đãi cho người nghèo; hỗ trợ nhà ở và các chính sách hỗ trợ khác (trợ cấp tiền điện, hỗ trợ giáo dục, y tế, cấp đất cho sản xuất,...).

Những hộ mới thoát nghèo cũng nhận được hỗ trợ tín dụng ưu đãi về lãi suất cho sản xuất và chăn nuôi, tuy nhiên số lượng hộ tiếp cận vốn còn ít. Trung bình khoảng 3 năm hộ sẽ tái nghèo, thấp nhất là 1 năm và cao nhất 16 năm. Đồng thời, kết quả nghiên cứu cho thấy hộ tái nghèo có ý chí thoát nghèo thấp hơn hộ thoát nghèo, trung bình khoảng 3 điểm.

3. Các yếu tố ảnh hưởng đến tái nghèo

Dựa vào kết quả nghiên cứu, ngoài biến đa chiều, có 9 biến ảnh hưởng đến khả năng tái nghèo của hộ, mức độ tác động của từng yếu tố theo mức độ giảm dần lần lượt là biến dân tộc, nghề của chủ hộ, quy mô hộ, ý chí thoát nghèo, trình độ học vấn trung bình của hộ, người phụ thuộc, vốn hỗ trợ, tổng thu nhập và diện tích đất sản xuất của hộ.

Biến dân tộc có ảnh hưởng mạnh nhất đến khả năng tái nghèo của hộ ở mức ý nghĩa 1%. Nếu hộ là người dân tộc Khmer thì xác suất tái nghèo sẽ cao hơn dân tộc kinh 17,01% trong điều kiện các yếu tố khác không đổi. Do người Khmer ở Trà Vinh thường có trình độ giáo dục thấp, tập quán lạc hậu, hạn chế về ngôn ngữ và giao tiếp, chậm đổi mới trong sản xuất và năng lực phát triển kinh tế còn hạn chế hơn người Kinh. Bên cạnh đó, số năm đi học bình quân của hộ cũng ảnh hưởng đến khả năng tái nghèo của hộ ở mức ý nghĩa 1%, nghĩa là khi số năm đi học của hộ tăng 1% thì xác suất tái nghèo của hộ sẽ giảm 6,3% trong điều kiện các yếu tố khác không đổi. Tổng thu nhập của hộ cũng ảnh hưởng đến xác suất tái nghèo của hộ ở mức ý nghĩa 1%, khi thu nhập của hộ tăng lên 1% thì xác suất tái nghèo của hộ giảm đi 0,7%. Vì theo quy định theo chuẩn nghèo đơn chiều hoặc đa chiều, yếu tố thu nhập cũng là tiêu chí để đo lường hộ nghèo nên thu nhập cũng là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến việc tái nghèo của hộ, hộ có thu nhập càng thấp thì khả năng tái nghèo càng cao.

Nghề nghiệp của chủ hộ cũng tác động mạnh đến xác suất tái nghèo của hộ, những hộ tham gia việc làm phi nông nghiệp thì khả năng tái nghèo thấp hơn những hộ làm nông nghiệp 11,33% với mức ý nghĩa 10%. Nông nghiệp đóng vai trò quan trọng trong đời sống người dân, đặc biệt Trà Vinh là tỉnh nông nghiệp nên đó là nguồn sinh kế chủ yếu của hộ. Kết quả nghiên cứu cho thấy, đa phần hộ tái nghèo có diện tích đất không nhiều, bình quân mỗi hộ gần được 1 công đất sản xuất nông nghiệp (kết quả khảo sát, 2016), thậm chí có hộ không có đất sản xuất chủ yếu làm thuê các công việc mang tính thời vụ, sau khoảng thời gian đó thì phần lớn hộ rơi vào tình trạng thất nghiệp. Điều này cho thấy, người dân ở tỉnh phụ thuộc

rất lớn vào hoạt động nông nghiệp và diện tích đất canh tác đóng vai trò lớn tạo nên sự khác biệt giữa hai nhóm hộ.

Vốn là yếu tố quan trọng giúp hộ thoát nghèo, nếu vốn hỗ trợ tăng lên 1% thì xác suất tái nghèo của hộ sẽ giảm 1,4%. Kết quả khảo sát cũng nhận được sự phản hồi từ người dân, lượng vốn hỗ trợ/hộ tương đối ít nên gặp khó khăn trong việc mua phương tiện sản xuất và chăn nuôi. Bên cạnh đó, cũng có trường hợp hộ sử dụng vốn sai mục đích hoặc không biết cách sản xuất dẫn đến thất bại và trở lại nghèo (mua bò nhưng không có kỹ thuật chăn nuôi, không biết chọn giống, bò kém chất lượng, dễ bệnh và chết dẫn đến tái nghèo). Ngoài ra, hộ còn nhận được những trợ cấp khác như tiền điện, y tế và giáo dục,...chính vì những sự trợ giúp này làm cho người nghèo có tâm lý ỷ lại, ý chí thoát nghèo còn thấp, muốn nghèo để nhận được sự hỗ trợ từ nhà nước. Kết quả nghiên cứu cũng chỉ rằng ý chí thoát nghèo có ảnh hưởng đến khả năng tái nghèo của hộ ở mức ý nghĩa 1%, nếu ý chí thoát nghèo tăng 1% thì xác suất tái nghèo giảm 7,2%. Mặt khác, những hộ thoát nghèo sự trợ cấp và hỗ trợ từ các chính sách rất ít và hộ phải tự lực vươn lên nên khi có rủi ro thì dễ bị tổn thương và nghèo trở lại. Do đó, cần có những chính sách mạnh hơn dành cho những hộ vừa thoát nghèo nhằm tạo đòn bẩy để hộ thoát nghèo bền vững. Đồng thời, thông qua phỏng vấn sâu, nghiên cứu cũng phát hiện việc bình xét hộ nghèo, hộ thoát nghèo chưa thật sự khách quan, một số trường hợp bình xét dựa trên mối quan hệ. Thêm vào đó, hàng năm địa phương được giao chỉ tiêu số lượng hộ thoát nghèo trong năm, vì thế các địa phương cần phải công nhận đủ số lượng hộ để đạt chỉ tiêu đề ra, dẫn đến những hộ được công nhận thoát nghèo nhưng không phải thoát nghèo thật sự mà sau đó vài năm hộ lại quay trở lại nghèo hay nói cách khác chính là sự luân phiên nghèo giữa các hộ trong xã. Thực tế, trong quá trình xuống trực tiếp tại địa phương, cán bộ xã báo địa phương không có tái nghèo, thoát nghèo bền vững, nhưng khi được làm rõ vấn đề thì cán bộ tại xã chưa thật sự hiểu rõ khái niệm tái nghèo và nghèo phát sinh mới, hầu như những hộ thoát nghèo sau đó vài năm quay lại nghèo thì sẽ được tổng hợp là hộ nghèo phát sinh mới. Thực trạng cũng cho thấy, công tác thống kê và cơ sở dữ liệu tại cấp xã còn sai số khá cao, khi xuống trực tiếp ấp, công tác quản lý của cán bộ ấp cũng khá đơn giản, chủ yếu là nhớ hộ nào thoát và tái nghèo chứ không có quản lý trên danh sách.

Quy mô hộ và số người phụ thuộc ảnh hưởng không nhỏ đến khả năng tái nghèo của hộ, hộ có quy mô càng lớn và số người phụ thuộc càng nhiều thì khả năng tái nghèo càng cao. Cụ thể, nếu số người trong hộ tăng lên 1% thì xác suất tái nghèo của hộ tăng 8,9%; nếu số người phụ thuộc tăng 1% thì khả năng hộ tái nghèo là 5,4%. Số người phụ thuộc cũng là yếu tố gây nên sự tái nghèo của hộ, có nghĩa là những hộ này

không những đã ít lao động kiếm thu nhập mà còn phải gánh nặng thêm các khoản chi phí như chi phí giáo dục, khám chữa bệnh, chi phí sinh hoạt của những người ăn theo nên thường gây bất ổn cho đời sống kinh tế gia đình.

4. Một số khuyến nghị chính sách

Đối với thực trạng tái nghèo như đã phân tích ở trên, cần có chính sách riêng cho hộ mới được công nhận thoát nghèo: những hộ mới thoát nghèo cần có những chính sách mạnh như “bơm” lượng vốn nhiều cho sản xuất với mức lãi suất ưu đãi, hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu thị trường, thường xuyên kiểm tra mục đích sử dụng vốn để hộ tập trung phát triển sản xuất và thoát nghèo bền vững, cần cho họ “cần cầu” chứ không phải cho họ “con cá”.

Tiếp đến là xây dựng tiêu chí bình xét hộ nghèo và thoát nghèo theo hướng tiếp cận đa chiều và tập huấn cụ thể cho cán bộ địa phương để phân loại đúng tình trạng của hộ. Thực hiện xóa bỏ việc giao khoán chỉ tiêu thoát nghèo cho từng địa phương để đảm bảo phản ánh đúng thực trạng và hoàn cảnh của hộ tại địa phương.

Song song, cần phải đào tạo và huấn luyện cán bộ tại các địa phương đang phụ trách công tác giảm nghèo. Nâng kỹ năng về nghiệp vụ lẫn chuyên môn trong công tác bình xét hộ nghèo và hộ cận nghèo, đảm bảo tính công bằng và khách quan.

Thêm nữa, chính sách khuyến khích đầu tư tạo việc làm phi nông nghiệp tại địa phương giúp người dân đa hóa nguồn thu nhập hoặc xây dựng các mô hình tổ hợp tác trong sản xuất. Bên cạnh đó, cần lồng ghép thêm các chương trình hỗ trợ thông qua các tổ/Hội tại địa phương.

Ngoài ra, cần xây dựng, hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng tại các ấp/xã có điều kiện đi lại khó khăn, giúp địa phương thuận lợi trong đi lại và giao thương. Xây dựng các công trình phúc lợi xã hội phục vụ sinh hoạt hằng ngày như bể nước hợp vệ sinh, cầu, hệ thống kênh mương thoát nước, nhà xí hợp vệ sinh, hệ thống phát thanh nghe, nhìn để phục vụ công tác tuyên truyền, thông tin về chế độ chính sách nhằm nâng cao nhận thức của người dân tránh có tâm lý ỷ lại, trông chờ vào chính sách./.